

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHPVĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở đào tạo

- Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG**
- Tiếng Anh: **PHAM VAN DONG UNIVERSITY**

#### 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DPQ

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

- Trụ sở chính: 509 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Trụ sở 2: 986 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

#### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- [www.pdu.edu.vn](http://www.pdu.edu.vn);
- [www.tuyensinh.pdu.edu.vn](http://www.tuyensinh.pdu.edu.vn)

#### 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- 02553713123
- 0839509509

#### 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh

- [www.pdu.edu.vn/nss.php?name=BaCongKhai](http://www.pdu.edu.vn/nss.php?name=BaCongKhai)
- [www.tuyensinh.pdu.edu.vn](http://www.tuyensinh.pdu.edu.vn)

#### 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

(chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

- [www.pdu.edu.vn](http://www.pdu.edu.vn)
- [www.tuyensinh.pdu.edu.vn](http://www.tuyensinh.pdu.edu.vn)

### II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

## **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển; phạm vi tuyển sinh**

### **a. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Không vi phạm pháp luật.

### **b. Phạm vi tuyển sinh**

Tuyển sinh trong cả nước. Đối với thí sinh có nơi thường trú ngoài tỉnh Quảng Ngãi xét tuyển vào khối ngành đào tạo giáo viên, nhà trường chỉ nhận hồ sơ xét tuyển theo diện đào tạo đặt hàng và diện đào tạo theo nhu cầu cá nhân (được quy định trong Nghị định 116/2020/NĐ-CP).

**2. Mô tả phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

**\* Đối với phương thức xét tuyển: Chỉ áp dụng đối với bậc Đại học.**

Thực hiện tuyển sinh theo 3 phương án sau:

+ Phương án 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2025 (tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét).

+ Phương án 2: Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (điểm tổng kết 3 môn học của lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển).

+ Phương án 3: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.

**\* Đối với phương thức thi tuyển kết hợp xét tuyển: Chỉ áp dụng đối với ngành Giáo dục Mầm non, bậc cao đẳng.**

Thực hiện tuyển sinh theo 2 phương án sau:

+ Phương án 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2025 (môn Toán hoặc Văn) và kết quả của Kỳ thi tuyển sinh môn Năng khiếu xét tuyển cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025.

+ Phương án 2: Xét tuyển dựa vào học bạ THPT (điểm môn Toán hoặc Văn của lớp 12) và kết quả của Kỳ thi tuyển sinh môn Năng khiếu xét tuyển cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2025.

**3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

**\* Ngưỡng đầu vào**

**- Bậc đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên:**

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm

3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

+ Xét tuyển theo Phương án 3: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.

**- *Bậc đại học không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên:***

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm 3 môn (theo tổ hợp môn xét tuyển) của kết quả thi THPT năm 2025 cộng với điểm ưu tiên phải đạt từ 15 điểm trở lên.

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12 phải đạt từ 15 điểm trở lên.

+ Xét tuyển theo Phương án 3: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.

**- *Bậc cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non:***

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và điểm môn Toán hoặc Văn cộng điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên. Riêng đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm và đã tốt nghiệp THPT nếu sử dụng kết quả học tập của trung cấp sư phạm để xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non thì phải có điểm trung bình toàn khóa đạt từ 6,5 điểm trở lên.

\* ***Đối với lưu học sinh CHDCND Lào:*** Căn cứ vào quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao nước CHDCND Lào, kết quả học tập THPT kết hợp với kết quả kiểm tra Tiếng Việt, Hiệu trưởng xem xét quyết định trúng tuyển nhập học.

**\* Quy tắc quy đổi tương đương**

- Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển

- Trường sẽ căn cứ vào hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT, dữ liệu phân tích điểm trúng tuyển để quyết định công thức quy đổi điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển cho tất cả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 và công bố theo quy định.

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành <sup>1</sup>	Tên ngành, nhóm ngành <sup>2</sup>	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	131	- Phương thức 1: A00; A01; C00; D01 - Phương thức 2: A00; A01; C00; D01	(*) Năm 2025 chỉ tiêu dành cho diện xét dự bị đại học như sau: - Giáo dục Tiểu học: 32 - Sư phạm Khoa học Tự nhiên: 2 - Sư phạm Toán học: 3 - Sư phạm Ngữ văn: 4 - Sư phạm Tiếng Anh: 3 - Sư phạm Tin học: 2 - Sư phạm Vật lý: 1 - Công nghệ Kỹ thuật cơ khí: 1
2.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	40	- Phương thức 1: A00; A01; X05; D01 - Phương thức 2: A00; A01; X05; D01	
3.	7140210	Sư phạm Tin học	7140210	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	- Phương thức 1: A00; X05; X06; D01 - Phương thức 2: A00; X05; X06; D01	
4.	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Khoa học giáo dục và đào tạo	20	- Phương thức 1: A00; X05; A01; C01 - Phương thức 2:	

<sup>1,6</sup> Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

				giáo viên		A00; X05; A01; C01	<p><b>* Chi tiết mã tổ hợp môn</b>  A00: Toán, Vật lý, Hoá học  A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh  B00: Toán, Hoá học, Sinh học  C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí  C01: Ngữ văn, Toán, Vật lí  C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học  C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử  C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí  D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh  D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh  D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh  X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&amp;PL  X05: Toán, Vật lí, GDKT&amp;PL  X06: Toán, Vật lí, Tin học  X25: Toán, GDKT&amp;PL, Tiếng Anh</p>
5.	7140212	Sư phạm Hóa học	7140212	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	20	- Phương thức 1: A00; C02; B00; D07 - Phương thức 2: A00; C02; B00; D07	
6.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	40	- Phương thức 1: C00; X74; X70; X01 - Phương thức 2: C00; X74; X70; X01	
7.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	60	- Phương thức 1: D01; X25; X78; D15 - Phương thức 2: D01; X25; X78; D15	
8.	7140247	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	7140247	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	30	- Phương thức 1: A00; C02; B00; C01 - Phương thức 2: A00; C02; B00; C01	
9.	7310105	Kinh tế phát triển	7310105	Khoa học xã hội và hành vi	24	- Phương thức 1: C03; X74; X01; D01 - Phương thức 2: C03; X74; X01; D01	
10.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	60	- Phương thức 1: C03; X74; X01; D01 - Phương thức 2: C03; X74; X01; D01	

11.	7340115	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	50	- Phương thức 1: C03; X74; X01; D01 - Phương thức 2: C03; X74; X01; D01	Anh X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
12.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	90	- Phương thức 1: A00; X05; X06; D01 - Phương thức 2: A00; X05; X06; D01	
13.	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật	70	- Phương thức 1: A00; A01; X05; D01 - Phương thức 2: A00; A01; X05; D01	
14.	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật	50	- Phương thức 1: A00; A01; X05; D01 - Phương thức 2: A00; A01; X05; D01	
15.	51140201	Giáo dục Mầm non	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	85	- Phương thức 1: M01;M09 - Phương thức 2: M01;M09	

***\*Ghi chú: Chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên là dự kiến. Nhà trường sẽ công bố chỉ tiêu chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chỉ tiêu này.***

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Trường không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trong trường hợp số thí sinh trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu tuyển của từng phương thức xét tuyển, trường quy định:

+ Sử dụng điểm thi môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển để lựa chọn thí sinh trúng tuyển đối với tổ hợp môn chỉ có Toán hoặc Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển.

+ Sử dụng điểm thi Toán để lựa chọn thí sinh trúng tuyển nếu trong tổ hợp môn xét tuyển vừa có môn Toán, vừa có môn Ngữ văn.

+ Sử dụng điểm thi môn Năng khiếu để lựa chọn thí sinh trúng tuyển nếu trong tổ hợp môn xét tuyển có môn năng khiếu.

### b. Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ

Miễn thi môn ngoại ngữ: Môn Tiếng Anh được tính điểm 10 để xét tuyển đại học, cao đẳng đối với thí sinh thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ ở kỳ thi THPT năm 2025.

## 6. Tổ chức tuyển sinh

### a) Thời gian đăng ký xét tuyển và xét tuyển

#### - Đợt chính thức

Phương thức xét tuyển	Thời gian đăng ký xét tuyển	Thời gian xét tuyển
Xét tuyển	Xét theo lịch chung của Bộ GD&ĐT	Xét theo lịch chung của Bộ GD&ĐT
Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.		
Tuyển thẳng		

#### - Tuyển bổ sung đợt 1 (nếu tuyển chưa đủ chỉ tiêu)

+ Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: 04/9/2025-12/9/2025.

+ Thời gian xét tuyển: 15/09/2025.

#### - Thi năng khiếu tuyển sinh bậc cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

+ Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: 02/6/2025-18/7/2025.

+ Thời gian thi (dự kiến): ngày 24 và 25/07/2025.

## **b) Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:**

Đối với đợt xét tuyển chính thức, thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo dựa trên tài khoản cá nhân đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

Đối với đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh tải và điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu do nhà trường ban hành (Biểu mẫu đăng trên website tại địa chỉ: [www.tuyensinh.pdu.edu.vn](http://www.tuyensinh.pdu.edu.vn)). Sau đó thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển cho nhà trường qua một trong các hình thức sau:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

+ Nộp hồ sơ qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

## **c) Tổ chức xét tuyển:**

### **+ Phương thức 1, phương thức 2.**

✓ Sử dụng kết quả điểm thi THPT năm 2025; sử dụng tổ hợp môn trong kết quả học tập của lớp 12.

✓ Áp dụng cho tất cả các đợt xét tuyển dành cho thí sinh xét tuyển vào học tất cả các ngành đào tạo của bậc đại học; cao đẳng Giáo dục Mầm non.

✓ Công thức tính tổng điểm xét tuyển:

**Tổng điểm xét tuyển = M1 + M2 + M3 + Tổng điểm ưu tiên.**

**Trong đó:**

- M1 là điểm bài thi THPT/điểm môn học lớp 12 trong tổ hợp môn xét tuyển.

- M2 là điểm bài thi THPT/điểm môn học lớp 12/điểm môn năng khiếu trong tổ hợp môn xét tuyển.

- M3 là điểm bài thi THPT/điểm môn học lớp 12/điểm môn năng khiếu trong tổ hợp môn xét tuyển.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

**Tổng điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định.**

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm ưu tiên khu vực + điểm ưu tiên đối tượng.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

✓ Nguyên tắc xét tuyển: Thí sinh trúng tuyển được lấy từ trên xuống theo tổng điểm xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định.

### **+ Phương thức 3:**

Xét tuyển theo Phương án 4: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Đại học Phạm Văn Đồng.



Đối với lưu học sinh CHDCND Lào: Căn cứ vào quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao nước CHDCND Lào, kết quả học tập THPT kết hợp với kết quả kiểm tra Tiếng Việt, Hiệu trưởng xem xét quyết định trúng tuyển nhập học

**Lưu ý: Đối với đợt xét tuyển chính thức, thí sinh đăng ký xét tuyển thực hiện trên hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

**d) Xác nhận nhập học:** thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhập học trực tiếp tại Trường ĐH Phạm Văn Đồng theo hướng dẫn của nhà Trường.

## 7. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo chế độ chính sách được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Chi tiết việc cộng điểm ưu tiên được áp dụng theo Phụ lục I, Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

## 8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Đợt xét tuyển chính thức: theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Đợt xét tuyển bổ sung: 25.000đ/hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

## 9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Nhà trường cam kết giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của thí sinh trong công tác tuyển sinh theo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

## 10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không

### 10.1 Học phí

Mức thu học phí theo tín chỉ khoá tuyển sinh năm học 2025-2026 (dự kiến)

Nhóm ngành	Mức học phí (1000 đồng/tín chỉ)
<b>1. Bậc cao đẳng</b>	
<b>Hệ chính quy</b>	
Giáo dục Mầm non	425
<b>2. Bậc đại học</b>	
<b>Hệ chính quy</b>	
Khối ngành 1: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	
Sư phạm Tin học	539
Sư phạm Vật lý	539

Sư phạm Ngữ văn	539
Sư phạm Tiếng Anh	539
Giáo dục Tiểu học	539
Sư phạm Toán	539
Sư phạm Khoa học Tự nhiên	539
Sư phạm Hoá	539
Khối ngành 3: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	
Quản trị kinh doanh	539
Marketing	539
Khối ngành 5: Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	
Công nghệ thông tin	629
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	639
Kỹ thuật cơ điện tử	639
Khối ngành 7: Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	
Kinh tế phát triển	575

## 10.2 Thông tin liên hệ hỗ trợ tuyển sinh

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Đình Thám	Hiệu trưởng	0914163377	tdtham@pdu.edu.vn
2	Bùi Tá Toàn	Trưởng phòng KT-ĐBCLGD	0914063863	bttoan@pdu.edu.vn
3	Huỳnh Triệu Vỹ	Phó Trưởng phòng KT-ĐBCLGD	0914202670	htvy@pdu.edu.vn
4	Lê Duy Tuấn	Cán bộ máy tính Hội đồng tuyển sinh	0943676870	ldtuan@pdu.edu.vn
5	Phạm Thị Thu Hiền	Cán bộ thu nhận hồ sơ	0937603246	ptthien@pdu.edu.vn

### 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã ngành học	Tên ngành	Phương thức XT	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét điểm học bạ	58	56	22.87	41	40	23.19
2	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Xét điểm học bạ	10	3	27.03	14	15	26.4
3	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét điểm học bạ	10	2	27.39	11	14	27.2
4	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét điểm học bạ	11	5	24	6	8	26.62
5	7140210	Sư phạm Tin học	Xét điểm học bạ	11	9	24	6	8	26.08
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét điểm học bạ	35	17	27.01	30	46	27.1
7	7140209	Sư phạm Toán học	Xét điểm học bạ	8	3	27.85	11	8	27.12
8	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	Xét điểm học bạ	18	9	23	8	15	26.27
9	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét điểm học bạ	30	19	15	37	11	15
10	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét điểm học bạ	30	30	15	41	27	15
11	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Xét điểm học bạ	30	20	15	32	15	15
12	7480201	Công nghệ thông tin	Xét điểm học bạ	24	43	15	34	26	15
13	7310105	Kinh tế phát triển	Xét điểm học bạ	24	0	15	10	3	15
14	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét điểm thi THPT	25	26	20.35	42	40	24
15	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Xét điểm thi THPT	22	25	23.2	32	32	24.5

16	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét điểm thi THPT	22	26	23.2	24	22	26.6
17	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét điểm thi THPT	25	17	19	14	13	23.6
18	7140210	Sư phạm Tin học	Xét điểm thi THPT	25	14	19	14	13	22.4
19	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét điểm thi THPT	83	93	22.55	85	70	25.7
20	7140209	Sư phạm Toán học	Xét điểm thi THPT	19	24	22.35	24	28	24.4
21	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	Xét điểm thi THPT	42	39	19	21	15	23.5
22	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét điểm thi THPT	70	1	15	18	14	15
23	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét điểm thi THPT	70	2	15	41	34	15
24	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Xét điểm thi THPT	70	1	15	15	16	15
25	7480201	Công nghệ thông tin	Xét điểm thi THPT	56	3	15	18	44	15
26	7310105	Kinh tế phát triển	Xét điểm thi THPT	56	0	15	6	11	15

**Cán bộ tuyển sinh**  
 Lê Duy Tuấn  
 Điện thoại: 0943676870  
 Email: ldtuan@pdu.edu.vn

*Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 5 năm 2025*  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**Trần Đình Thám**

